

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa y tế

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026, nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính Phủ;

Căn cứ kế hoạch đào tạo của nhà trường năm học 2026 – 2027;

Trường Đại học Y – Dược có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo giá hàng hóa y tế và làm cơ sở lập kế hoạch, tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm hàng hóa, hóa chất phục vụ đào tạo,

I. Thông tin đơn vị yêu cầu chào giá

1. Đơn vị yêu cầu: Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên

2. Thông tin bên tiếp nhận yêu cầu chào giá:

- Phòng Tài chính Cơ sở vật chất thuộc trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên; Mail bộ phận cơ sở vật chất: tump.edu.vn2@gmail.com

- Người tiếp nhận: Ông Lại Văn Tiến

- Chức vụ: Chuyên viên

- Số điện thoại: 0868 852 888

3. Cách thức tiếp nhận chào giá:

Nhận chào giá trực tiếp trong giờ hành chính tại Tầng 5, phòng Tài chính – Cơ sở vật chất, Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên; Địa chỉ: Tòa nhà A1, số 284, đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, hoặc bản điện tử gửi Mail phòng TCCSVC: tump.edu.vn2@gmail.com hoặc nộp trực tiếp trên trang mua sắm công <https://muasamcong.mpi.gov.vn>.

2. Nội dung yêu cầu báo giá: (Chi tiết danh mục hàng hóa tại phụ lục kèm theo)

3. Thời điểm tiếp nhận báo giá: trong vòng 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá thành công trên mạng đấu thầu quốc gia và Website của nhà trường.

4. Thời gian hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá

5. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Nội dung yêu cầu báo giá: Ghi rõ tên đơn vị chào giá, có con dấu và có nội dung cam kết về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh. Bảng chào giá ghi chi tiết theo sản phẩm, quy cách, xuất xứ, catalog (nếu có) tương ứng để nhà trường có cơ sở lựa chọn phương án phù hợp; Giá hàng hóa đã bao gồm thuế phí và các chi phí để thực hiện việc cung cấp hàng hóa cho nhà trường.

- Nhà cung cấp có thể báo giá cho toàn bộ hoặc các phần hàng hóa nằm trong phạm vi, khả năng cung cấp hàng hóa của đơn vị mình.

(Chi tiết danh mục hàng hóa tại phụ lục kèm theo)

- Đồng tiền chào giá: Việt Nam đồng

- Địa điểm cung cấp: Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên; Địa chỉ: Số 284, đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Cám ơn sự quan tâm của Quý công ty!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCCSVC.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS. TS Trần Văn Tuấn

DANH MỤC CHI TIẾT HÀNG HOÁ

(Kèm theo công văn số: 1664 /ĐHYD-TCCSVC ngày 14/10/2026)

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Mã vật tư của trường
1	Acid etching 5g (Mỹ)	10	Tuýp	Đơn vị chào giá tự đề xuất, mô tả, quy cách của hàng hóa	Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên; Địa chỉ: Số 284, đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên		4800
2	Alginate (GC)	24	Túi 500g				2734
3	Bàn chải kẽ răng dạng L 1 túi = 6c	24	cái				4074
4	Banh miệng cỡ nhỏ	5	cái				
5	Banh miệng cỡ to	5	cái				
6	Bát trộn thạch cao	8	Cái				
7	Bay trộn thạch cao	8	Cái				
8	Block ống tủy nhựa (nội khoa)	25	Cái				4092
9	Bộ chốt ống tủy của Mani (EG Post Intro Kit)	1	Bộ				3897
10	Bộ dụng cụ trám composit Hufriedy	2	Bộ				4208
11	Bộ đặt khuôn trám bán phần NiTin của D.O.E (bộ đầy đủ mã số NT-KMN-01)	2	Bộ				4373
12	Bộ matrix trám răng gồm đai kẹp và 36 miếng matrix	2	Túi				
13	Bộ mẫu hàm thay thế răng nhựa (Bộ lắp 28 răng)	8	Bộ				
14	Bộ mũi khoan Mài inlay MBT	3	Bộ				
15	Bộ mũi khoan mài onlay- Ivoclar	2	Bộ				
16	Bộ mũi khoan mài ống mang chốt	2	Bộ				
17	Bộ mũi khoan mài veneer - Ivoclar	2	Bộ				
18	Bộ mũi khoan thép dùng cho máy Micromotor(5c/bộ)	2	Bộ				2946
19	Bộ răng nhựa thay thế	23	Bộ				3351
20	Bộ răng nhựa thay thế + giá khớp	6	bộ				4024
21	Bôi trơn ống tủy RC-Cream	2	Tuýp				4108
22	Bột Canxium hydroxide	1	hộp				3198
23	Bột nhựa tự cứng số 0	4	Kg				3199
24	Bơm nhựa 5ml VT (0 kim)	20	Cái				1015
25	C file cỡ số 10 chiều dài 25mm	2	vi				4802

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Mã vật tư của trường
26	C file cỡ số 8 chiều dài 25mm	2	vi				4803
27	Canal NaOCl 6% 480ml - Nước rửa tùy Canalpro Naocl 3% 480ml	1	Lọ				4075
28	Cao su lấy dấu Chemi-Sil HB không tạo bọt dùng súng B&E	3	Cặp ống				
29	Cement Rely X U200 của 3M	2	cặp				4424
30	Cocoa butter - Vanish GC	13	Tuýp				3279
31	Composite 4g	6	Tuýp				3621
32	Composite đặc MANI MICRO (màu A1- Hãng Mani Nhật bản)	2	Tuýp				
33	Composite đặc MANI MICRO (màu A2- Hãng Mani Nhật bản)	2	Tuýp				
34	Composite đặc MANI NANO (màu A3- Hãng Mani Nhật bản)	2	Tuýp				
35	Composite đặc Solare màu A2 - hãng GC Nhật Bản	1	Tuýp				4810
36	Composite lỏng G-aenial Universal Injectable - Màu A02	2	Tuýp				4882
37	Composite lỏng màu A2	4	tuýp				4880
38	Composite lỏng MANI BULK	2	Tuýp				
39	Composite lỏng MANI FLO-V (màu A1- Hãng Mani Nhật bản)	2	Tuýp				
40	Composite lỏng MANI FLO-V (màu A2- Hãng Mani Nhật bản)	2	Tuýp				
41	Composite lỏng MANI FLO-V (màu A3- Hãng Mani Nhật bản)	2	Tuýp				
42	Composite lỏng Nexcomp Flow (hãng Meta) màu A3	8	tuýp				3768A
43	Composite lỏng Nexcomp Flow màu A3	10	tuýp				4885
44	Cortisomol	3	Lọ				5046
45	Cốc nhựa súc miệng (50 chiếc/dây)	21	dây				3942
46	Côn guttapercha 25/06	2	Hộp				4815
47	Côn guttapercha Dia dent (15-40)	3	Hộp				4817
48	Côn giấy	35	Hộp				3358
49	Chất đánh bóng Nupro	68	cốc				2964
50	Chất hàn Fuji IX loại 15g	8	Hộp				3671a
51	Chất hàn Fuji IX loại 5 gram	2	Lọ				3671
52	Chất hàn tạm Caviton 30g	1	Hộp				4421
53	Chất lấy dấu Alginate GC Aroma	24	Túi				5037

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Mã vật tư của trường
54	Chêm gỗ	2	hộp				3377
55	Chỉ co lợi cầm máu Sure cord 0	2	Lọ				3941
56	Chỉ co lợi cầm máu Sure cord 00	2	Lọ				3932
57	Chỉ Dafilon 4,0 (kim liên sợi dài 75cm) - Hộp 36 sợi	20	Hộp				3933
58	Chỉ Dafilon 4.0 loại 1 vĩ 1 sợi	96	Sợi/vĩ				
59	Chỉ nylon 3/0 (Hộp 12 sợi)	5	Hộp				3946
60	Chỉ nylon 4.0	50	Sợi				
61	Chỉ tơ nha khoa dạng cuộn Oral B (50 m)	17	cuộn				3802
62	Chỉ tơ nha khoa dạng Floss-stick	8	gói				3205
63	Chỉ thép buộc cung hàm (Số 4/0)	2	Cuộn				3899
64	Chỉ thép dạng cuộn 0,9	2	Cuộn				3846
65	Chỉ vicryl 3.0 (Hộp 12 sợi)	7	Hộp				3934
66	Chổi cước đánh bóng	170	Cái				dt317
67	Chun buộc liên hàm 3/16 inches - 3,5OZ	5	Gói				5039
68	Chun chỉnh nha (Túi 100 cái)	10	Túi				3622
69	Dao tỉa sáp 2 đầu có 1 đầu là thìa mức	40	cái				3215
70	Dao tỉa sáp 2 đầu nhọn	40	Cái				3216
71	Dầu tay khoan 560ml	1	Lọ				4204
72	Dầu tay khoan 560ml (Nhật)	3	Chai				2441
73	Dây thép bẻ móc	20	Cuộn				dt331
74	Dây thép uốn móc 1 mm	2	cuộn				3770
75	D-finder	10	Hộp (6 cái)				3360
76	Dung dịch kiểm tra độ nhạy cảm của răng 200ml/chai – Roeko Endo – Frost Cold Spray 200ml	1	Chai				4891
77	Đài cao su	35	Cái				2974
78	Đầu và vòi bơm cao su lỏng	180	Cặp				3900
79	Đề lưỡi (chữ T)	20	Cái				1263

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Mã vật tư của trường
80	Enamel pro var nish	90	Tuyp				3627
81	Eugenol 30ml	2	lọ				2326
82	File nội nha máy trẻ em Fanta độ thôn 4% Hộp tổng hợp size (hãng Fanta)	2	Hộp				5303
83	Formacresol Prevest - Dung Dịch Sát Trùng Tùy Răng - Lọ 15ml	1	Lọ				
84	Fuji I (Hộp 15g của GC)	1	hộp				4433
85	Fuji IX 15g kèm bay + giấy trộn	5	Hộp				2467
86	Fuji VII	3	Hộp				3278
87	Gutta (độ thôn 2% các số từ 15 đến 40 (Hộp 120 cái)	45	Hộp				3786
88	Gương chụp hình chỉnh nha	8	Cái				
89	Giấy cắn đỏ (Hộp 10 tệp)	19	Hộp				2935
90	Giấy thử cắn xanh	20	Hộp				2977
91	Giấy trộn chất hàn	2	Tập				3363
92	H file 10.15.20.25.30.35 của mani (6 cái/vi) - dài 18mm Mani - Hộp tổng hợp	20	Vi				4435
93	H File 15-40,21mm (Hộp 6 cái)	3	Hộp				3632
94	H file 20	18	Hộp (6 cái)				3239
95	H file 25	18	Hộp (6 cái)				3240
96	H file số 8 (21mm)	30	Hộp (6 cái)				4436
97	Hộp đánh bóng composite super snap	5	Hộp				3901
98	K file 10. 15. 20. 25. 30 .35 (của Mani) (6 cái/vi) - dài 18mm - Hộp tổng hợp	20	Hộp				4444
99	K file 20	18	Hộp (6 cái)				3245
100	K file 25	18	Hộp (6 cái)				3246

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Mã vật tư của trường
101	K file số (15-40) (21 mm, hộp 6 cái)	5	Hộp				3772
102	K file số 15-40 (25 mm, hộp 6 cái)	5	Hộp				3385
103	K file số 8 (21 mm, hộp 6 cái)	31	Hộp (6 cái)				3799A
104	K file số 8 (25 mm, hộp 6 cái)	5	Hộp				3799
105	Keo dán Mani Bond	8	lọ				5196
106	Keo Dán Universal Tray Adhesive Zhermack	1	Chai				
107	Kim 3 châu bẻ móc	20	Chiếc				5305
108	Kim bơm rửa ống tủy Coltene	15	Cái				4077
109	Kim cắt dây thép nha khoa	10	cái				4932
110	Kim mang kim 18cm	4	Chiếc				2429
111	Kim tiêm tê nha khoa Terumo (Hộp 100 cái) 27G của Nhật Bản	3	Hộp				4827
112	Kim uốn móc mở chìm 1 đầu tròn, 1 đầu vuông (Kim 139)	8	Chiếc				3788
113	Lá dam cao su	30	Chiếc				4929
114	Lá matrix (túi 12 chiếc)	9	Túi				2984
115	Lá matrix gói 100c	1	Túi				2984A
116	Lá matrix thép	2	Túi				4912
117	Lên ngang đủ số (6 cái/hộp)	2	Hộp				4445
118	Lentulo cổ đỏ (4 cái/vỉ) - hãng Mani Nhật Bản	7	Hộp (4 cái)				4829
119	Lưỡi dao mổ số 11 (Hộp 100 cái)	2	Hộp				3744
120	Lưỡi dao mổ số 15 (Hộp 100 cái)	2	Hộp				3904
121	Mũi đánh bóng Fuji	10	Mũi				3790
122	Mũi Endo - Z	28	Mũi				2316
123	Mũi Endo Access (Mỹ)	33	Mũi				2315
124	Mũi gates (6 cái/vỉ)	7	Hộp (6 cái)				2321
125	Mũi khoan đánh bóng đuôi chuột cổ vàng của Mani (Mã FO-21EF)	40	Cái				2787A

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Mã vật tư của trường
126	Mũi khoan đuôi chuột cổ xanh (mã TC-S21 của Mani)	68	Cái				2787B
127	Mũi khoan hình ngọn lửa cổ đỏ (Mã Fro-3 của Mani)	83	cái				4838
128	Mũi khoan kim cương đầu tròn cổ xanh (BR - 46)	7	cái				5062
129	Mũi khoan kim cương đầu tròn cổ xanh (Mã BR-31, hãng Mani)	30	Cái				4465
130	Mũi khoan kim cương đầu tròn cổ xanh (Mã BR-41, hãng Mani)	20	Cái				4593
131	Mũi khoan kim cương đầu tròn cổ xanh dương Mani BR-40	60	cái				571
132	Mũi khoan kim cương đầu tròn cổ xanh dương Mani BR41	5	cái				4031
133	Mũi khoan kim cương đầu tròn cổ xanh dương Mani BR-41	45	Cái				4593
134	Mũi khoan kim cương đầu tròn cổ xanh ĐK0,7mm BR-49	8	Mũi				5065
135	Mũi khoan kim cương đuôi chuột cổ xanh của Mani (Mã TC11)	3	Cái				4440
136	Mũi khoan kim cương ngọn lửa cổ xanh -Mã Fro-S3	39	Cái				5063
137	Mũi khoan kim cương ngọn lửa cổ đỏ của Mani (Mã Fro 3f)	70	Cái				2755B
138	Mũi khoan kim cương ngọn lửa cổ vàng (Mã CE-15, hãng Mani)	15	Cái				4599
139	Mũi khoan kim cương ngọn lửa cổ vàng của Mani (mã F0 30EF)	35	Cái				2756A
140	Mũi khoan kim cương ngọn lửa cổ xanh (Mã FO-25, hãng Mani)	15	Cái				4602
141	Mũi khoan kim cương tạo hình hổ rãnh (Mã EX - 37, Hãng Mani)	10	Cái				
142	Mũi khoan kim cương trụ đầu bằng cổ đỏ của Mani (mã MI- 61F)	25	Cái				2752A
143	Mũi khoan kim cương trụ đầu bằng cổ xanh của mani (mã SF-21)	10	Cái				2752B
144	Mũi khoan kim cương trụ đầu bằng cổ xanh Mani SF-31	40	Cái				572
145	Mũi khoan kim cương trụ đầu bằng cổ xanh Mani SF-41	75	Cái				573
146	Mũi khoan kim cương trụ đầu bằng đường kính 1.2mm cổ xanh SF-12	40	Cái				5075
147	Mũi khoan kim cương trụ đầu tròn cổ xanh (mã SR-11)	30	Cái				5078
148	Mũi khoan kim cương trụ đầu tròn cổ xanh (Mã SR-11C, hãng Mani)	45	Cái				4604
149	Mũi khoan kim cương trụ đầu tròn cổ xanh của Mani (Mã S0-20)	20	Cái				2752C
150	Mũi khoan kim cương trụ đầu tròn cổ xanh Mani SO-20	43	Cái				574
151	Mũi khoan kim cương trụ đầu tròn cổ xanh Mani SO-21	40	Cái				575

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Mã vật tư của trường
152	Mũi khoan nha khoa EX-13 (hãng Mani)	10	cái				5364
153	Mũi khoan nha khoa EX-40 (hãng Mani)	10	cái				5368
154	Mũi khoan trụ đầu bằng đường kính 1,2mm cổ xanh (Mã SF11 của Mani)	75	Cái				4847
155	Mũi khoan trụ đầu bằng đường kính 1.6mm cổ xanh (Mã SF-13 của Mani)	62	Cái				4848
156	Mũi khoan trụ đầu TRÒN đường kính 1.2 mm cổ xanh (mã SR-11 của Mani)	55	Cái				4210A
157	Mũi khoan trụ đầu TRÒN đường kính 1.6 mm cổ xanh (Mã SR-13 của Mani)	51	Cái				4861
158	Mũi khoan trụ đầu TRÒN đường kính 1.7 mm cổ vàng (mã Pro-2 của Mani)	75	Cái				4863
159	Mũi khoan trụ trơn đầu bằng đường kính 2.1mm cổ đỏ (Mã CE-12 của Mani)	20	cái				4851
160	Mũi lấy cao răng dưới nước Woodpecker - P1 (đầu nhọn nhỏ)	10	Chiếc				5307
161	Mũi mài đỏ trụ đầu nhọn hồng TR-13F	10	Chiếc				4083A
162	Mũi mài đỏ trụ đầu nhọn xanh FO-21	10	Chiếc				4084A
163	Mũi mài quả dừa kim loại	10	Chiếc				2988
164	Mũi nạo ngà MI stanless burs Mani (vì 6 cây từ cỡ 1-6) - chiều dài 22 mm	14	Vì				4856
165	Mũi nạo ngà MI stanless burs Mani (vì 6 cây từ cỡ 1-6) - chiều dài 28 mm	3	Vì				4857
166	Nước nhựa tự cứng Duracryl 250 ml	11	Lọ				3249
167	Nhựa tự cứng đỏ, trắng	2	Kg				2339
168	Ống hút nước bọt (cái lẻ)	290	cái				3390
169	ống hút nước bọt túi 100 ống	700	ống				dt315
170	Răng thay thế cho máy mô phỏng KTS hãng NISSIN	8	Bộ				
171	Sáp gỏi (cây lẻ)	130	cây				3366
172	Sáp lá	35	Hộp				2332

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Mã vật tư của trường
173	Sò đánh bóng Nupro	28	Cái				dt302
174	Tay khoan nhanh W&H chuck bấm	5	Chiếc				4795
175	Tăm bond xanh hộp 100	6	hộp				4213
176	Thạch cao đá (Túi 1 kg)	36	Túi				2331
177	Thạch cao thường (Túi 5kg)	100	KG				2766
178	Thanh cần Tooth Slooth® White - Fracture Detector (để kiểm tra răng nứt- nước sản xuất Mỹ)- túi gồm 04 thanh	10	Túi				
179	Thép uốn móc 0,8 mm	2	cuộn				4914
180	Thép uốn móc 0.4	2	cuộn				3850
181	Thép uốn móc 0.9mm	2	cuộn				3667
182	Thuốc tê lignospan 2%	200	Ống				4378
183	Thuốc tê xanh 3%	45	Ống				4377
184	Thuốc tê xịt Lidocain 10%	21	lọ				dt310
185	Thước kẹp hai đầu nhọn để đo mẫu hàm (pakistan)	10	Chiếc				4039
186	Trâm gai cán màu đỏ Mani	6	Vì				3923
187	Trâm gai cán màu vàng Mani	4	Vì				3925
188	Trâm máy nội nha Dentsply dài 21mm - Mỹ	13	Hộp				4870
189	Trâm máy nội nha mở lỗ thẳng vào ống tuỷ Jizai Orifice - opener (25.14) chiều dài 18mm- Hãng Mani - nhật bản	3	vỉ				
190	Trâm máy nội nha tạo đường trượt Jizai Glider (13.04) chiều dài 21mm - Hãng Mani - nhật bản	3	vỉ				
191	Trâm máy nội nha tạo đường trượt Jizai Glider (13.04) chiều dài 25mm - Hãng Mani - nhật bản	3	vỉ				
192	Trâm máy nội nha tạo đường trượt Jizai Glider (13.04) chiều dài 28mm- Hãng Mani - nhật bản	3	vỉ				
193	Trâm máy nội nha tạo đường trượt Jizai Glider (13.04) chiều dài 31mm - Hãng Mani - nhật bản	3	vỉ				
194	Trâm máy nội nha tạo hình hệ thống ống tuỷ jizai I, II, III gồm 3 file 25.04; 25.06; 35.04 chiều dài 21mm	3	vỉ				

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Mã vật tư của trường
195	Trâm máy nội nha tạo hình hệ thống ống tuỷ jizai I, II, III gồm 3 file 25.04; 25.06; 35.04 chiều dài 25mm	3	vi				
196	Trâm máy nội nha tạo hình hệ thống ống tuỷ jizai I, II, III gồm 3 file 25.04; 25.06; 35.04 chiều dài 28mm	3	vi				
197	Trâm máy nội nha tạo hình hệ thống ống tuỷ jizai I, II, III gồm 3 file 25.04; 25.06; 35.04 chiều dài 31mm	3	vi				
198	Vật liệu ngà sâu răng e - SDF	1	lọ				4890
199	Vật liệu sinh học thay thế ngà răng: Biodentine - hãng Septodont - Pháp (hộp gồm 05 nhộng + 05pipet dung dịch pha)	2	bộ				4798
200	Vỉ răng toàn bộ màu A2	50	vi				3237
201	Vỉ răng toàn bộ màu A3	15	vi				3238
202	Xốp cầm máu ổ răng	1	Túi				4577

